

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
**PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

**To:** - State Securities Commission  
- Ho Chi Minh Stock Exchange

- Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN BLUEMARQ GROUP/ BLUEMARQ GROUP JOINT STOCK COMPANY
  - Mã chứng khoán/ Stock code: DXG
  - Địa chỉ/Address: Số 2W Ung văn Khiêm, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh/No. 2W Ung Van Khiem Street, Thanh My Tay Ward, HCM City
  - Điện thoại liên hệ/Tel.: 028 62 52 52 52
  - E-mail: [ir@bluemarq.com](mailto:ir@bluemarq.com)
- Nội dung công bố thông tin/Contents of disclosure:  
Báo cáo tình hình quản trị công ty 06 tháng năm 2026.  
Report on Corporate Governance for the First 6 Months of 2026
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/07/2026 tại đường dẫn <https://ir.bluemarq.com> /This information was published on the company's website on July 30, 2026, as in the link <https://ir.bluemarq.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

**Nơi nhận/ Recipients:**

- SSC, HOSE;
- Lưu Archived: VT, TC.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BLUEMARQ GROUP**

BLUEMARQ GROUP JOINT STOCK COMPANY

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**

Person authorized to disclose information



**LÊ ĐĂNG QUỐC HÙNG**

Số: 04.../2026/BC-BUEMARQ/PTC  
No: 04.../2026/BC- BLUEMARQ/PTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2026  
Ho Chi Minh City, July 30, 2026

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY 06 THÁNG NĂM 2026**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE FOR THE FIRST SIX MONTHS OF 2026**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

To:

- The State Securities Commission
- Ho Chi Minh Stock Exchange

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BLUEMARQ GROUP  
Name of company: BLUEMARQ GROUP JOINT STOCK COMPANY
- Địa chỉ trụ sở chính: 2W Ung Văn Khiêm, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh  
Head Office address: 2W Ung Van Khiem Street, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City
- Điện thoại/Telephone: 028. 62525252 Email: info@bluemarq.com
- Vốn điều lệ/Charter capital: 12.698.524.510.000 VND
- Mã chứng khoán/Stock Code: DXG
- Mô hình quản trị Công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị.  
Governance model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, General Director and Audit Committee under the Board of Directors.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện  
The implementation of internal audit: Implemented

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**

**Activities of the General Meeting of Shareholders**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông  
Information on meetings, resolutions/decisions of the General Meeting of Shareholders

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/<br>Quyết định<br>Resolution/Decision<br>No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|------------|------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 01/2026/NQ-<br>DXG/ĐHĐCĐ                                   | 17/04/2026   | <ul style="list-style-type: none"><li>- Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị.<br/>Approved the Board of Directors' report.</li><li>- Thông qua Báo cáo của Ủy ban kiểm toán.<br/>Approved the Audit Committee's report.</li><li>- Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025.<br/>Approved the Audited Financial Statements for</li></ul> |



|   |                      |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|---|----------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                      |            | <p><i>fiscal year 2025.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.<br/><i>Approved the selection of Auditing firms to audit Financial Statements 2026.</i></li> <li>- Thông qua thù lao các thành viên HĐQT năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao các thành viên HĐQT năm 2026.<br/><i>Approved the remuneration of the BOD for year 2025 and the remuneration plan for year 2026.</i></li> <li>- Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2025.<br/><i>Approved the profit distribution plan for 2025.</i></li> <li>- Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026.<br/><i>Approved the business plan for 2026.</i></li> <li>- Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026.<br/><i>Approved the profit distribution plan for 2026.</i></li> <li>- Thông qua Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ được kiểm toán<br/><i>Approved the audited report on the use of proceeds from the private placement share offering.</i></li> <li>- Thông qua chủ trương tái cấu trúc, thay đổi tên Công ty và các vấn đề có liên quan<br/><i>Approved the restructuring plan, change of the Company's name and other related matters.</i></li> <li>- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty<br/><i>Approved the amendments and supplements to the Company's Charter and Internal Corporate Governance Regulations.</i></li> <li>- Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 – 2031<br/><i>Approved the removal and additional election of members of the Board of Directors for the 2026–2031 term.</i></li> </ul> |
| 2 | 02/2026/NQ-DXG/ĐHĐCĐ | 17/04/2026 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2026.<br/><i>Approved the plan for share issuance to increase charter capital from owner's equity in 2026.</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

## II. Hội đồng quản trị Board of Directors:

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)  
*Information about the members of the Board of Directors (BOD):*

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT<br>Board of Directors' members | Chức vụ/ Position                                       | Ngày bắt đầu/không còn là<br>thành viên HĐQT/ HĐQT<br>độc lập<br>The date becoming/ceasing to<br>be the member of the Board of<br>Directors |                                            |
|------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
|            |                                                |                                                         | Ngày bổ<br>nhiệm<br>Date of<br>appointment                                                                                                  | Ngày miễn<br>nhiệm<br>Date of<br>dismissal |
| 1          | Ông/ Mr. Bùi Ngọc Đức                          | Chủ tịch HĐQT<br>Chairman                               | 16/04/2026                                                                                                                                  |                                            |
|            | Ông/ Mr. Bùi Ngọc Đức                          | Thành viên HĐQT<br>BOD member                           | 01/03/2018                                                                                                                                  | 16/04/2026                                 |
| 2          | Ông/ Mr. Lương Trí Thìn                        | Thành viên HĐQT<br>BOD member                           | 01/12/2007                                                                                                                                  |                                            |
| 3          | Ông/ Mr. Lương Ngọc Huy                        | Chủ tịch HĐQT<br>Chairman                               | 03/07/2024                                                                                                                                  | 16/04/2026                                 |
|            | Ông/ Mr. Lương Ngọc Huy                        | Thành viên HĐQT<br>BOD member                           | 16/04/2026                                                                                                                                  |                                            |
| 4          | Ông/ Mr. Hà Đức Hiếu                           | Thành viên HĐQT<br>BOD member                           | 26/06/2021                                                                                                                                  |                                            |
| 5          | Ông/ Mr. Nguyễn Phạm Anh Tài                   | Thành viên độc lập<br>HĐQT<br>Independent BOD<br>member | 28/05/2022                                                                                                                                  | 17/04/2026                                 |
| 6          | Ông/ Mr. Nguyễn Huy Hoàng                      | Thành viên độc lập<br>HĐQT<br>Independent BOD<br>member | 17/04/2026                                                                                                                                  |                                            |

2. Các cuộc họp HĐQT tính đến ngày 30/06/2026/Meetings of the Board of Directors until June 30, 2026:

| Stt<br>No. | Board of Directors' member<br>Board of Director' member | Số buổi họp<br>tham dự<br>Number of<br>meetings<br>attended | Tỷ lệ/<br>Attendance<br>rate | Lý do không tham dự<br>Reasons for absence        |
|------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1          | Ông/ Mr. Lương Ngọc Huy                                 | 8                                                           | 100%                         |                                                   |
| 2          | Ông/ Mr. Lương Trí Thìn                                 | 8                                                           | 100%                         |                                                   |
| 3          | Ông/ Mr. Bùi Ngọc Đức                                   | 8                                                           | 100%                         |                                                   |
| 4          | Ông/ Mr. Hà Đức Hiếu                                    | 8                                                           | 100%                         |                                                   |
| 5          | Ông/ Mr. Nguyễn Phạm Anh Tài                            | 4                                                           | 50%                          | Miễn nhiệm từ ngày/<br>Dismissed from: 17/04/2026 |
| 6          | Ông/ Mr. Nguyễn Huy Hoàng                               | 4                                                           | 50%                          | Bổ nhiệm từ ngày/Appointed<br>from: 17/04/2026    |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:  
Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

05

3.1



HĐQT đã thực hiện hoạt động giám sát việc quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc đầy đủ, kịp thời, đảm bảo tuân thủ Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT.

*The BOD has supervised the BOM and General Director fully and promptly, ensuring compliance with the Company's charter, the Resolutions of the General Meeting of Shareholders and resolutions of the BOD.*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (if any): Ủy ban kiểm toán và Hội đồng Chiến lược/ Audit Committee and Strategic Council.
5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị: Resolutions/Decisions of the Board of Directors

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết<br>Resolution No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                               | Tỷ lệ<br>thông<br>qua<br>Approval<br>rate |
|------------|---------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1          | 01/2026/NQ-DXG/HĐQT             | 09/02/2026   | Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026<br><i>Approved the plan to organize the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i>                                                                                                                     | 100%                                      |
| 2          | 02/2026/NQ-DXG/HĐQT             | 06/04/2026   | Thông qua tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 và Dự thảo tài liệu<br><i>Approved the organization of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders and the draft meeting materials</i>                                                                           | 100%                                      |
| 3          | 03/2026/NQ-DXG/HĐQT             | 13/04/2026   | Thông qua miễn nhiệm chức vụ PTGD đối với bà Đỗ Thị Thái<br><i>Approved the dismissal of Ms. Do Thi Thai from the position of Deputy General Director</i>                                                                                                         | 100%                                      |
| 4          | 04/2026/NQ-DXG/HĐQT             | 16/04/2026   | Thông qua miễn nhiệm chức vụ TGD đối với ông Bùi Ngọc Đức, bổ nhiệm TGD đối với ông Nguyễn Trường Sơn<br><i>Approved the dismissal of Mr. Bui Ngoc Duc from the position of General Director and the appointment of Mr. Nguyen Truong Son as General Director</i> | 100%                                      |
| 5          | 05/2026/NQ-DXG/HĐQT             | 16/04/2026   | Thông qua bổ nhiệm ông Bùi Ngọc Đức làm Chủ tịch HĐQT thay thế ông Lương Ngọc Huy<br><i>Approved the appointment of Mr. Bui Ngoc Duc as Chairman of the Board of Directors in replacement of Mr. Luong Ngoc Huy</i>                                               | 100%                                      |
| 6          | 06/2026/NQ-DXG/HĐQT             | 17/04/2026   | Thông qua thay đổi Chủ tịch Ủy ban kiểm toán<br><i>Approved the change of Chairman of the Audit Committee</i>                                                                                                                                                     | 100%                                      |
| 7          | 07/2026/NQ-DXG/HĐQT             | 17/04/2026   | Thông qua chủ trương giao dịch với bên liên quan<br><i>Approved the policy on related-party transactions</i>                                                                                                                                                      | 100%                                      |

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết<br>Resolution No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                  | Tỷ lệ<br>thông<br>qua<br>Approval<br>rate |
|------------|---------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 8          | 08/2026/NQ-DXG/HĐQT             | 17/04/2026   | Thông qua việc giao và ủy quyền cho TGD quyết định và thực hiện thủ tục thay đổi tên Công ty<br><i>Approved the assignment and authorization for the General Director to decide and carry out procedures for changing the Company's name</i>                                         | 100%                                      |
| 9          | 09/2026/NQ-BLUEMARQ/HĐQT        | 07/05/2026   | Thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu<br><i>Approved the implementation of the plan for share issuance to increase share capital from owner's equity</i>                                                                        | 100%                                      |
| 10         | 10/2026/NQ-BLUEMARQ/HĐQT        | 19/05/2026   | Thông qua chủ trương điều chỉnh tên chủ đầu tư đối với dự án Khu chung cư cao tầng CC1 và Khu chung cư cao tầng CC5<br><i>Approved the policy on adjusting the investor's name for the CC1 High-rise Apartment Building Project and the CC5 High-rise Apartment Building Project</i> | 100%                                      |
| 11         | 11/2026/NQ-BLUEMARQ/HĐQT        | 19/05/2026   | Thông qua chủ trương góp vốn đầu tư Công ty Cổ phần BLUEMARQ Investment<br><i>Approved the policy on capital contribution to invest in BLUEMARQ Investment Joint Stock Company</i>                                                                                                   | 100%                                      |
| 12         | 12/2026/NQ-BLUEMARQ/HĐQT        | 19/05/2026   | Thông qua chủ trương góp vốn đầu tư Công ty Cổ phần BLUEMARQ Asset Management<br><i>Approved the policy on capital contribution to invest in BLUEMARQ Asset Management Joint Stock Company</i>                                                                                       | 100%                                      |
| 13         | 13/2026/NQ-BLUEMARQ/HĐQT        | 03/06/2026   | Thông qua chủ trương điều chỉnh tên chủ đầu tư đối với dự án Khu đô thị mới Mái Dầm<br><i>Approved the policy on adjusting the investor's name for the Mai Dam New Urban Area Project</i>                                                                                            | 100%                                      |
| 14         | 14/2026/NQ-BLUEMARQ/HĐQT        | 03/06/2026   | Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu<br><i>Approved the results of the share issuance to increase share capital from owner's equity</i>                                                                                                     | 100%                                      |

### III. Ủy ban Kiểm toán/ Audit Committee:

1. Thông tin về thành viên Ủy ban Kiểm toán/ Information about members of Audit Committee:



| Stt No. | Ủy ban Kiểm toán<br><i>Members of Audit Committee</i> | Chức vụ<br><i>Position</i>       | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ủy ban Kiểm toán<br><i>Date of commencement / Date of cessation as member of the Audit Committee</i> | Trình độ chuyên môn<br><i>Qualification</i> |
|---------|-------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 1       | Ông/Mr. Nguyễn Phạm Anh Tài                           | Chủ tịch UBKT<br><i>Chairman</i> | Ngày bắt đầu/ <i>Date of commencement:</i><br>21/06/2022<br>Ngày kết thúc/ <i>Date of cessation:</i> 17/04/2026                           | Thạc sĩ<br><i>Master</i>                    |
| 2       | Ông/ Mr. Hà Đức Hiếu                                  | Thành viên UBKT<br><i>Member</i> | Ngày bắt đầu/ <i>Date of commencement:</i><br>09/12/2021                                                                                  | Thạc sĩ<br><i>Master</i>                    |
| 3       | Ông/Mr. Nguyễn Huy Hoàng                              | Chủ tịch UBKT<br><i>Chairman</i> | Ngày bắt đầu/ <i>Date of commencement:</i><br>17/04/2026                                                                                  | Thạc sĩ<br><i>Master</i>                    |

2. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán/*Meetings of Audit Committee*

| Stt No. | Thành viên Ủy ban Kiểm toán<br><i>Members of Audit Committee</i> | Số buổi họp tham dự<br><i>Number of meetings attended</i> | Tỷ lệ tham dự họp<br><i>Attendance rate</i> | Tỷ lệ biểu quyết<br><i>Voting rate</i> | Lý do không tham dự họp<br><i>Reasons for absence</i> |
|---------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| 1       | Ông/Mr. Nguyễn Huy Hoàng                                         | 1                                                         | 100%                                        | 100%                                   |                                                       |
| 2       | Ông/ Mr. Hà Đức Hiếu                                             | 1                                                         | 100%                                        | 100%                                   |                                                       |

3. Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/  
*Supervision by the Audit Committee over the Board of Directors, Board of Management and shareholders:*

Ủy ban kiểm toán đã thực hiện hoạt động giám sát việc quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đầy đủ, kịp thời, đảm bảo tuân thủ Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT.

*The Audit Committee has supervised the BOD, BOM and General Director fully and promptly, ensuring compliance with the Company's charter, the Resolutions of the General Meeting of Shareholders and resolutions of the BOD.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

*The coordination among the Audit Committee, Board of Directors, the Board of Management and other managers:*

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc phối hợp chặt chẽ với Ủy ban kiểm toán, tạo điều kiện thuận lợi để Ủy ban kiểm toán thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

*The Board of Directors and the General Director closely coordinate with the Audit Committee to create favorable conditions for the Audit Committee to perform its functions and tasks.*

5. Hoạt động khác của Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/ *Other activities of the Audit Committee (if any):* Không có/ No.

**IV. Ban điều hành/Board of Management**

| STT<br>No. | Thành viên Ban điều hành<br>Members of BOM | Chức vụ<br>Position                             | Ngày tháng<br>năm sinh<br>Date of birth | Trình độ<br>chuyên môn<br>Qualification | Ngày bổ<br>nhiệm/ miễn<br>nhiệm<br>Date of<br>appointment /<br>dismissal                                          |
|------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Ông/ Mr. Bùi Ngọc Đức                      | Tổng Giám đốc<br>General Director               | 25/02/1976                              | Thạc sĩ<br>Master                       | Ngày bổ<br>nhiệm/Date of<br>appointment:<br>01/07/2020<br>Ngày miễn<br>nhiệm/Date of<br>dismissal:<br>16/04/2026  |
| 2          | Ông/ Mr. Nguyễn Trường<br>Sơn              | Tổng Giám đốc<br>General Director               | 04/08/1980                              | Thạc sĩ<br>Master                       | Ngày bổ<br>nhiệm/Date of<br>appointment:<br>16/04/2026                                                            |
|            | Ông/ Mr. Nguyễn Trường<br>Sơn              | Phó Tổng Giám đốc<br>Deputy General<br>Director | 04/08/1980                              | Thạc sĩ<br>Master                       | Ngày bổ<br>nhiệm/Date of<br>appointment<br>23/07/2017<br>Ngày miễn<br>nhiệm/Date of<br>dismissal:<br>16/04/2026   |
| 3          | Bà/ Mrs. Đỗ Thị Thái                       | Phó Tổng Giám đốc<br>Deputy General<br>Director | 25/09/1976                              | Cử nhân<br>Bachelor                     | Ngày bổ<br>nhiệm/Date of<br>appointment:<br>23/07/2017<br>Ngày miễn<br>nhiệm/ Date of<br>dismissal:<br>13/04/2026 |
| 4          | Ông/ Mr. Lương Ngọc<br>Huy                 | Phó Tổng Giám đốc<br>Deputy General<br>Director | 1970                                    | Thạc sĩ<br>Master                       | Ngày bổ<br>nhiệm/Date of<br>appointment<br>07/06/2024                                                             |

**V. Kế toán trưởng/Chief Accountant**

| Họ và tên<br>Name     | Ngày tháng năm sinh<br>Date of birth | Trình độ chuyên môn<br>nghề nghiệp<br>Qualification | Ngày bổ nhiệm/ miễn<br>nhiệm<br>Date of appointment/<br>dismissal |
|-----------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Bà/Ms. Bùi Thanh Thảo | 25/07/1987                           | Cử nhân<br>Bachelor                                 | 01/07/2020                                                        |

**VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:**

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Không có  
*Training courses on corporate governance attended by members of the Board of Directors, the General Director, other managers, and the Secretariat in accordance with corporate governance regulations: None.*



**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company and transactions of affiliated persons of the Company**

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company  
Xem Phụ lục 1 đính kèm/ Appendix 1 attached
2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.  
*Transactions between the Company and its affiliated people; or transactions between the Company and major shareholders, insiders, and people related to such insiders.*  
Xem Phụ lục 2 đính kèm/ Appendix 2 attached
3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có  
*Transactions between the Company's insiders and people related to such insiders and the Company's subsidiaries or entities under the Company's control: None.*
4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác  
*Transactions between the Company and other objects*
  - 4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có  
*Transactions between the Company and companies whose members of the Board of Directors, General Director or other managers have been founding members, members of the Board of Directors or General Director within the latest three (03) years (calculated at the time of reporting): None.*
  - 4.2. Giao dịch giữa Công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc: Không có  
*Transactions between the Company and companies where affiliated persons of members of the Board of Directors, the General Director or other managers serve as members of the Board of Directors or General Director: None.*
  - 4.3. Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác: Không có  
*Other transactions of the Company (if any) that may bring material or non-material benefits to members of the Board of Directors, the General Director and other managers: None.*

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ  
Share transactions of internal persons and their affiliated persons**

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ Công ty  
*The list of internal people and their affiliated people*  
Xem Phụ lục 3 đính kèm/ Appendix 3 attached
2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty  
*Transactions of internal people and affiliated people with shares of the company*  
Xem Phụ lục 4 đính kèm/ Appendix 4 attached

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues**

Nơi nhận:

Recipients:

- UBCK; HOSE;
- SSC; HOSE;
- Lưu: TC, VT
- Archived: Finance, Admin

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)  
(Sign, full name and seal)



**BÙI NGỌC ĐỨC**

**PHỤ LỤC 1: Danh sách về người có liên quan của Công ty**  
**APPENDIX 1: The list of affiliated persons of the Company**

| ST<br>T | Tên tổ chức/cá<br>nhân                 | Tài<br>khoản<br>giao<br>dịch<br>chứng<br>khoán   | Chức vụ tại<br>Công ty                                                                                           | Số Giấy<br>NSH* | Ngày cấp<br>Giấy<br>NSH* | Nơi cấp<br>NSH*   | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan     | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan | Lý do                    | Mối quan hệ<br>đối với Công<br>ty   |
|---------|----------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------|-------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------|
| No.     | Name of<br>organization/<br>individual | Securiti<br>es<br>trading<br>account<br>(if any) | Position at<br>the<br>Company (if<br>any)                                                                        | NSH No.         | date of<br>issue         | place of<br>issue | Address                                  | Time of<br>starting to<br>be<br>affiliated<br>person | Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>person    | Reasons                  | Relationship<br>with the<br>company |
| (1)     | (2)                                    | (3)                                              | (4)                                                                                                              | (5)             | (6)                      | (7)               | (8)                                      | (9)                                                  | (10)                                               | (11)                     | (12)                                |
| 1       | Bùi Ngọc Đức                           |                                                  | Chủ tịch<br>HĐQT<br>Chairman of<br>the BOD                                                                       |                 |                          |                   |                                          | 01/03/2018                                           |                                                    | Bổ nhiệm/<br>Appointment | Người nội bộ /<br>Internal Person   |
| 2       | Lương Trí Thìn                         |                                                  | Thành viên<br>HĐQT kiêm<br>Chủ tịch<br>HĐCL<br>BOD<br>Member<br>cum<br>Chairman of<br>the Strategic<br>Committee |                 |                          |                   |                                          | 01/12/2007                                           |                                                    | Bầu cử/<br>Election      | Người nội bộ /<br>Internal Person   |
| 3       | Lương Ngọc<br>Huy                      |                                                  | Thành viên<br>HĐQT kiêm<br>Phó TGĐ<br>BOD<br>Member<br>cum Deputy<br>General<br>Director                         |                 |                          |                   |                                          | 19/04/2024                                           |                                                    | Bầu cử/<br>Election      | Người nội bộ /<br>Internal Person   |
| 4       | Hà Đức Hiếu                            |                                                  | Thành viên<br>HĐQT<br>BOD<br>Member                                                                              |                 |                          |                   |                                          | 01/07/2020                                           |                                                    | Bầu cử/<br>Election      | Người nội bộ /<br>Internal Person   |



| ST T | Tên tổ chức/cá nhân                 | Tài khoản giao dịch chứng khoán     | Chức vụ tại Công ty                                                 | Số Giấy NSH* | Ngày cấp Giấy NSH* | Nơi cấp NSH*   | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan  | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do                    | Mối quan hệ đối với Công ty       |
|------|-------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------|
| No.  | Name of organization/<br>individual | Securities trading account (if any) | Position at the Company (if any)                                    | NSH No.      | date of issue      | place of issue | Address                                  | Time of starting to be affiliated person | Time of ending to be affiliated person    | Reasons                  | Relationship with the company     |
| (1)  | (2)                                 | (3)                                 | (4)                                                                 | (5)          | (6)                | (7)            | (8)                                      | (9)                                      | (10)                                      | (11)                     | (12)                              |
| 5    | Nguyễn Phạm Anh Tài                 |                                     | Thành viên độc lập HĐQT<br>Independent Member of the BOD            |              |                    |                |                                          | 28/05/2022                               | 17/04/2026                                | Miễn nhiệm/<br>Dismissal | Người nội bộ /<br>Internal Person |
| 6    | Nguyễn Huy Hoàng                    |                                     | Thành viên độc lập HĐQT<br>Independent Member of the BOD            |              |                    |                |                                          | 17/04/2026                               |                                           | Bầu cử/<br>Election      | Người nội bộ /<br>Internal Person |
| 7    | Nguyễn Trường Sơn                   |                                     | Tổng Giám đốc<br>General Director                                   |              |                    |                |                                          | 27/03/2017                               |                                           | Bổ nhiệm/<br>Appointment | Người nội bộ /<br>Internal Person |
| 8    | Đỗ Thị Thái                         |                                     | Phó Tổng Giám đốc<br>Deputy General Director                        |              |                    |                |                                          | 27/03/2017                               | 13/04/2026                                | Miễn nhiệm/<br>Dismissal | Người nội bộ /<br>Internal Person |
| 9    | Lê Đặng Quốc Hùng                   |                                     | Giám đốc Tài Chính kiêm Thư ký HĐQT<br>CFO cum Secretary of the BOD |              |                    |                |                                          | 16/06/2023                               |                                           | Bổ nhiệm/<br>Appointment | Người nội bộ /<br>Internal Person |

| ST T | Tên tổ chức/cá nhân                                                                | Tài khoản giao dịch chứng khoán     | Chức vụ tại Công ty                | Số Giấy NSH* | Ngày cấp Giấy NSH* | Nơi cấp NSH*   | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan  | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do                          | Mối quan hệ đối với Công ty       |
|------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|--------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|
| No.  | Name of organization/<br>individual                                                | Securities trading account (if any) | Position at the Company (if any)   | NSH No.      | date of issue      | place of issue | Address                                  | Time of starting to be affiliated person | Time of ending to be affiliated person    | Reasons                        | Relationship with the company     |
| (1)  | (2)                                                                                | (3)                                 | (4)                                | (5)          | (6)                | (7)            | (8)                                      | (9)                                      | (10)                                      | (11)                           | (12)                              |
| 10   | Bùi Thanh Thảo                                                                     |                                     | Kế toán trưởng<br>Chief Accountant |              |                    |                |                                          | 01/07/2020                               |                                           | Bổ nhiệm/<br>Appointment       | Người nội bộ /<br>Internal Person |
| 11   | CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh                                                 |                                     |                                    |              |                    |                |                                          | 08/05/2012                               |                                           | Nhận chuyển nhượng/Acquisition | Công ty con/Subsidiary            |
| 12   | CTCP Vicco Sài Gòn                                                                 |                                     |                                    |              |                    |                |                                          | 30/06/2016                               |                                           | Nhận chuyển nhượng/Acquisition | Công ty con/Subsidiary            |
| 13   | CTCP Hội An Invest                                                                 |                                     |                                    |              |                    |                |                                          | 30/09/2017                               |                                           | Thành lập/Establishment        | Công ty con/Subsidiary            |
| 14   | CTCP Đầu tư Đồng Nai                                                               |                                     |                                    |              |                    |                |                                          | 03/12/2021                               |                                           | Thành lập/Establishment        | Công ty con/Subsidiary            |
| 15   | CTCP Đầu Tư Bất Động Sản Miền Bắc                                                  |                                     |                                    |              |                    |                |                                          | 19/07/2018                               |                                           | Thành lập/Establishment        | Công ty con/Subsidiary            |
| 16   | CTCP BLUEMARQ Development (trước đây là CTCP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Hà An) |                                     |                                    |              |                    |                |                                          | 28/08/2018                               |                                           | Nhận chuyển nhượng/Acquisition | Công ty con/Subsidiary            |



| ST<br>T | Tên tổ chức/cá<br>nhân                                        | Tài<br>khoản<br>giao<br>dịch<br>chứng<br>khoán   | Chức vụ tại<br>Công ty                    | Số Giấy<br>NSH* | Ngày cấp<br>Giấy<br>NSH* | Nơi cấp<br>NSH*   | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan     | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan | Lý do                                 | Mối quan hệ<br>đối với Công<br>ty   |
|---------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|--------------------------|-------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|
| No.     | Name of<br>organization/<br>individual                        | Securiti<br>es<br>trading<br>account<br>(if any) | Position at<br>the<br>Company (if<br>any) | NSH No.         | date of<br>issue         | place of<br>issue | Address                                  | Time of<br>starting to<br>be<br>affiliated<br>person | Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>person    | Reasons                               | Relationship<br>with the<br>company |
| (1)     | (2)                                                           | (3)                                              | (4)                                       | (5)             | (6)                      | (7)               | (8)                                      | (9)                                                  | (10)                                               | (11)                                  | (12)                                |
| 17      | CTCP Đầu tư<br>Dầu khí Thăng<br>Long                          |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 26/04/2017                                           |                                                    | Nhận chuyển<br>nhượng/Acqui<br>sition | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 18      | CTCP Đầu tư<br>Đất Viễn Đông                                  |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 07/12/2016                                           |                                                    | Nhận chuyển<br>nhượng/Acqui<br>sition | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 19      | Công ty TNHH<br>Charm & CI<br>Việt Nam                        |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 24/01/2008                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 20      | Công ty TNHH<br>Đầu Tư BĐS<br>Hà An Land                      |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 24/10/2019                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 21      | CTCP Đầu tư<br>Phước Sơn                                      |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 06/08/2021                                           |                                                    | Nhận chuyển<br>nhượng/Acqui<br>sition | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 22      | CTCP Đầu tư<br>BDS Miền<br>Đông                               |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 18/06/2020                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 23      | Công ty Cổ<br>Phần Đầu Tư<br>Kinh Doanh<br>BDS Đông<br>Nam Bộ |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 15/10/2020                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 24      | CTCP Đầu Tư<br>Bất Động Sản<br>Tây Nam Bộ                     |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 22/08/2019                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |

| ST<br>T | Tên tổ chức/cá<br>nhân                                | Tài<br>khoản<br>giao<br>dịch<br>chứng<br>khoán   | Chức vụ tại<br>Công ty                    | Số Giấy<br>NSH* | Ngày cấp<br>Giấy<br>NSH* | Nơi cấp<br>NSH*   | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan     | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan | Lý do                                 | Mối quan hệ<br>đối với Công<br>ty   |
|---------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|--------------------------|-------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|
| No.     | Name of<br>organization/<br>individual                | Securiti<br>es<br>trading<br>account<br>(if any) | Position at<br>the<br>Company (if<br>any) | NSH No.         | date of<br>issue         | place of<br>issue | Address                                  | Time of<br>starting to<br>be<br>affiliated<br>person | Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>person    | Reasons                               | Relationship<br>with the<br>company |
| (1)     | (2)                                                   | (3)                                              | (4)                                       | (5)             | (6)                      | (7)               | (8)                                      | (9)                                                  | (10)                                               | (11)                                  | (12)                                |
| 25      | Công ty TNHH<br>XD TM DV Hà<br>Thuận Hùng             |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 08/01/2009                                           |                                                    | Nhận chuyển<br>nhượng/Acqui<br>sition | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 26      | CTCP Đầu tư<br>kinh doanh Bất<br>động sản Đồng<br>Nai |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 06/12/2021                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 27      | Công ty TNHH<br>Đầu tư Sài Gòn<br>Riverside           |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 28/03/2017                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 28      | CTCP Dịch vụ<br>và Địa ốc Đất<br>Xanh Miền Bắc        |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 07/07/2010                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 29      | CTCP Địa Ốc<br>Viethomes                              |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 22/12/2015                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 30      | CTCP BĐS<br>Bắc Trung Bộ                              |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 05/12/2017                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 31      | CTCP Bất động<br>sản Duyên Hải                        |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 12/07/2018                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |



| ST<br>T | Tên tổ chức/cá<br>nhân                                 | Tài<br>khoản<br>giao<br>dịch<br>chứng<br>khoán   | Chức vụ tại<br>Công ty                    | Số Giấy<br>NSH* | Ngày cấp<br>Giấy<br>NSH* | Nơi cấp<br>NSH*   | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan     | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan | Lý do                                 | Mối quan hệ<br>đối với Công<br>ty   |
|---------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|--------------------------|-------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|
| No.     | Name of<br>organization/<br>individual                 | Securiti<br>es<br>trading<br>account<br>(if any) | Position at<br>the<br>Company (if<br>any) | NSH No.         | date of<br>issue         | place of<br>issue | Address                                  | Time of<br>starting to<br>be<br>affiliated<br>person | Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>person    | Reasons                               | Relationship<br>with the<br>company |
| (1)     | (2)                                                    | (3)                                              | (4)                                       | (5)             | (6)                      | (7)               | (8)                                      | (9)                                                  | (10)                                               | (11)                                  | (12)                                |
| 32      | CTCP DV<br>Quản Lý Tài<br>sản và Đầu tư<br>Asahi Japan |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 12/04/2019                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 33      | CTCP DV và<br>ĐT BĐS Hùng<br>Vương                     |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 05/12/2019                                           |                                                    | Góp<br>vốn/Capital<br>Contribution    | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 34      | CTCP DV và<br>ĐT BĐS Kinh<br>Bắc                       |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 11/11/2020                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 35      | Công ty Cổ<br>Phần Tư Vấn<br>Đầu Tư S-<br>Advice       |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 02/02/2021                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 36      | Công ty TNHH<br>Tư Vấn S-<br>Media                     |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 15/01/2021                                           |                                                    | Nhận chuyển<br>nhượng/Acqui<br>sition | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 37      | Công ty TNHH<br>S-O Farm                               |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 05/01/2021                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 38      | CTCP Bất<br>Động Sản Bắc<br>Bộ                         |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 29/11/2019                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 39      | CTCP BĐS S-<br>Home Group                              |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 05/02/2016                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |

| ST T | Tên tổ chức/cá nhân                                                        | Tài khoản giao dịch chứng khoán     | Chức vụ tại Công ty              | Số Giấy NSH* | Ngày cấp Giấy NSH* | Nơi cấp NSH*   | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan  | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do                   | Mối quan hệ đối với Công ty   |
|------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|--------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|
| No.  | Name of organization/<br>individual                                        | Securities trading account (if any) | Position at the Company (if any) | NSH No.      | date of issue      | place of issue | Address                                  | Time of starting to be affiliated person | Time of ending to be affiliated person    | Reasons                 | Relationship with the company |
| (1)  | (2)                                                                        | (3)                                 | (4)                              | (5)          | (6)                | (7)            | (8)                                      | (9)                                      | (10)                                      | (11)                    | (12)                          |
|      |                                                                            |                                     |                                  |              |                    |                |                                          |                                          |                                           |                         |                               |
| 40   | CTCP Cara Group (CTCP Dịch vụ và Đầu tư Đất Xanh Miền Tây)                 |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 01/02/2018                               |                                           | Thành lập/Establishment | Công ty con/Subsidiary        |
| 41   | CTCP Dịch Vụ Đất Xanh Miền Tây ("BDS Cần Thơ")                             |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 29/03/2019                               |                                           | Thành lập/Establishment | Công ty con/Subsidiary        |
| 42   | CTCP DV Bất Động Sản Nam miền Tây                                          |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 08/06/2019                               |                                           | Thành lập/Establishment | Công ty con/Subsidiary        |
| 43   | Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Bất Động Sản Duyên Hải Miền Tây                    |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 03/03/2021                               |                                           | Thành lập/Establishment | Công ty con/Subsidiary        |
| 44   | CTCP Regal Group                                                           |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 23/03/2011                               |                                           | Thành lập/Establishment | Công ty con/Subsidiary        |
| 45   | CTCP Kinh doanh và đầu tư Đất Xanh Miền Trung (Đô Thị Thông Minh Việt Nam) |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 26/07/2017                               |                                           | Thành lập/Establishment | Công ty con/Subsidiary        |



| ST<br>T | Tên tổ chức/cá<br>nhân                          | Tài<br>khoản<br>giao<br>dịch<br>chứng<br>khoán   | Chức vụ tại<br>Công ty                    | Số Giấy<br>NSH* | Ngày cấp<br>Giấy<br>NSH* | Nơi cấp<br>NSH*   | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan     | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan | Lý do                                 | Mối quan hệ<br>đối với Công<br>ty   |
|---------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|--------------------------|-------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|
| No.     | Name of<br>organization/<br>individual          | Securiti<br>es<br>trading<br>account<br>(if any) | Position at<br>the<br>Company (if<br>any) | NSH No.         | date of<br>issue         | place of<br>issue | Address                                  | Time of<br>starting to<br>be<br>affiliated<br>person | Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>person    | Reasons                               | Relationship<br>with the<br>company |
| (1)     | (2)                                             | (3)                                              | (4)                                       | (5)             | (6)                      | (7)               | (8)                                      | (9)                                                  | (10)                                               | (11)                                  | (12)                                |
| 46      | CTCP Bất động<br>sản Nam Miền<br>Trung          |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 20/03/2018                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 47      | Công ty TNHH<br>MTV Smart<br>City               |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 12/01/2018                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 48      | Công ty TNHH<br>Phát triển đô<br>thị Quảng Bình |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 21/12/2019                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 49      | CTCP Phát<br>triển Bất động<br>sản Emerald      |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 01/01/2019                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 50      | Công ty TNHH<br>Regal Food                      |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 13/12/2021                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 51      | CTCP Bất<br>Động Sản<br>Linkgroup               |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 17/07/2020                                           |                                                    | Nhận chuyển<br>nhượng/Acqui<br>sition | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 52      | Công Ty<br>TNHH Đầu Tư<br>Linkland              |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 17/07/2020                                           |                                                    | Nhận chuyển<br>nhượng/Acqui<br>sition | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 53      | CTCP Bất<br>Động Sản<br>LinkHouse               |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 17/07/2020                                           |                                                    | Nhận chuyển<br>nhượng/Acqui<br>sition | Công ty<br>con/Subsidiary           |

| ST T | Tên tổ chức/cá nhân                       | Tài khoản giao dịch chứng khoán     | Chức vụ tại Công ty              | Số Giấy NSH* | Ngày cấp Giấy NSH* | Nơi cấp NSH*   | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan  | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do                          | Mối quan hệ đối với Công ty   |
|------|-------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|--------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| No.  | Name of organization/<br>individual       | Securities trading account (if any) | Position at the Company (if any) | NSH No.      | date of issue      | place of issue | Address                                  | Time of starting to be affiliated person | Time of ending to be affiliated person    | Reasons                        | Relationship with the company |
| (1)  | (2)                                       | (3)                                 | (4)                              | (5)          | (6)                | (7)            | (8)                                      | (9)                                      | (10)                                      | (11)                           | (12)                          |
| 54   | CTCP Bất Động Sản LinkHouse Miền Trung    |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 17/07/2020                               |                                           | Nhận chuyển nhượng/Acquisition | Công ty con/Subsidiary        |
| 55   | Công ty TNHH Nông nghiệp Lifarm           |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 09/04/2021                               |                                           | Nhận chuyển nhượng/Acquisition | Công ty con/Subsidiary        |
| 56   | Công ty TNHH ĐT XD Ngọc Lễ                |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 17/07/2020                               |                                           | Nhận chuyển nhượng/Acquisition | Công ty con/Subsidiary        |
| 57   | CTCP Phát triển Địa ốc Nam Trung Bộ       |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 09/12/2016                               |                                           | Nhận chuyển nhượng/Acquisition | Công ty con/Subsidiary        |
| 58   | CTCP Công nghệ BĐS Việt Nam               |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 07/11/2018                               |                                           | Nhận chuyển nhượng/Acquisition | Công ty con/Subsidiary        |
| 59   | Công ty Cổ Phần DXMD Việt Nam             |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 22/05/2019                               |                                           | Nhận chuyển nhượng/Acquisition | Công ty con/Subsidiary        |
| 60   | CTCP Công nghệ Ihouzz                     |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 16/08/2019                               |                                           | Nhận chuyển nhượng/Acquisition | Công ty con/Subsidiary        |
| 61   | CTCP Dịch Vụ Tài Chính Bất Động Sản Tulip |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 08/11/2019                               |                                           | Nhận chuyển nhượng/Acquisition | Công ty con/Subsidiary        |



| ST<br>T | Tên tổ chức/cá<br>nhân                             | Tài<br>khoản<br>giao<br>dịch<br>chứng<br>khoán   | Chức vụ tại<br>Công ty                    | Số Giấy<br>NSH* | Ngày cấp<br>Giấy<br>NSH* | Nơi cấp<br>NSH*   | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan     | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan | Lý do                                 | Mối quan hệ<br>đối với Công<br>ty   |
|---------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|--------------------------|-------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|
| No.     | Name of<br>organization/<br>individual             | Securiti<br>es<br>trading<br>account<br>(if any) | Position at<br>the<br>Company (if<br>any) | NSH No.         | date of<br>issue         | place of<br>issue | Address                                  | Time of<br>starting to<br>be<br>affiliated<br>person | Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>person    | Reasons                               | Relationship<br>with the<br>company |
| (1)     | (2)                                                | (3)                                              | (4)                                       | (5)             | (6)                      | (7)               | (8)                                      | (9)                                                  | (10)                                               | (11)                                  | (12)                                |
|         |                                                    |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          |                                                      |                                                    |                                       |                                     |
| 62      | Công ty CP Bất<br>Động Sản GPT                     |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 17/07/2020                                           |                                                    | Nhận chuyển<br>nhượng/Acqui<br>sition | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 63      | Công ty Cổ<br>Phần Tip Tek                         |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 13/04/2021                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 64      | CTCP Đầu Tư<br>Dầu Khí Nha<br>Trang                |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 2021                                                 |                                                    | Nhận chuyển<br>nhượng/Acqui<br>sition | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 65      | Công ty Cổ<br>Phần Propcom                         |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 25/01/2021                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 66      | Công ty TNHH<br>Một Thành<br>Viên Đất Xanh<br>Tech |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 11/09/2021                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 67      | Công ty TNHH<br>Đất Xanh<br>Finance                |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 23/11/2021                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 68      | Công ty TNHH<br>Athena Invest                      |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 23/11/2021                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 69      | Công ty TNHH<br>Patheon<br>Holdings                |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 23/11/2021                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |

| ST<br>T | Tên tổ chức/cá<br>nhân                                                | Tài<br>khoản<br>giao<br>dịch<br>chứng<br>khoán   | Chức vụ tại<br>Công ty                    | Số Giấy<br>NSH* | Ngày cấp<br>Giấy<br>NSH* | Nơi cấp<br>NSH*   | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan     | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan | Lý do                                 | Mối quan hệ<br>đối với Công<br>ty   |
|---------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|--------------------------|-------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|
| No.     | Name of<br>organization/<br>individual                                | Securiti<br>es<br>trading<br>account<br>(if any) | Position at<br>the<br>Company (if<br>any) | NSH No.         | date of<br>issue         | place of<br>issue | Address                                  | Time of<br>starting to<br>be<br>affiliated<br>person | Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>person    | Reasons                               | Relationship<br>with the<br>company |
| (1)     | (2)                                                                   | (3)                                              | (4)                                       | (5)             | (6)                      | (7)               | (8)                                      | (9)                                                  | (10)                                               | (11)                                  | (12)                                |
| 70      | Công ty TNHH<br>Nhà Ở Ngay<br>Việt Nam                                |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 05/01/2021                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 71      | Công ty Cổ<br>Phần Đầu Tư<br>Kinh Doanh<br>Bất Động Sản<br>Bình Phước |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 22/12/2021                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 72      | Công ty TNHH<br>Đầu Tư DHG                                            |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 24/01/2022                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 73      | Công ty CP<br>Đầu Tư DN<br>Premium                                    |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 02/08/2022                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 74      | Công ty CP<br>BDS City<br>Invest                                      |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 14/04/2022                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 75      | Công ty TNHH<br>Công Nghệ S -<br>Tech                                 |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 25/04/2015                                           |                                                    | Nhận chuyển<br>nhượng/Acqui<br>sition | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 76      | Công ty CP<br>Đầu tư<br>Diamond<br>Tower                              |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 24/03/2022                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |



| ST<br>T | Tên tổ chức/cá<br>nhân                                     | Tài<br>khoản<br>giao<br>dịch<br>chứng<br>khoán   | Chức vụ tại<br>Công ty                    | Số Giấy<br>NSH* | Ngày cấp<br>Giấy<br>NSH* | Nơi cấp<br>NSH*   | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan     | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan | Lý do                          | Mối quan hệ<br>đối với Công<br>ty   |
|---------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|--------------------------|-------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|
| No.     | Name of<br>organization/<br>individual                     | Securiti<br>es<br>trading<br>account<br>(if any) | Position at<br>the<br>Company (if<br>any) | NSH No.         | date of<br>issue         | place of<br>issue | Address                                  | Time of<br>starting to<br>be<br>affiliated<br>person | Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>person    | Reasons                        | Relationship<br>with the<br>company |
| (1)     | (2)                                                        | (3)                                              | (4)                                       | (5)             | (6)                      | (7)               | (8)                                      | (9)                                                  | (10)                                               | (11)                           | (12)                                |
| 77      | Công ty CP<br>Đầu tư Ruby<br>Tower                         |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 23/03/2022                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 78      | Công ty Cổ<br>phần dịch vụ<br>Asahi Luxstay                |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 22/12/2022                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 79      | Công ty TNHH<br>MTV Regal<br>Hotel & Resort                |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 28/08/2022                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 80      | Công ty CP<br>Đầu tư và Dịch<br>Vụ Bất Động<br>Sân Tây Nam |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 07/08/2022                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 81      | Công ty TNHH<br>Đầu Tư Bất<br>Động Sản Phúc<br>Hưng Phát   |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 25/01/2022                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 82      | Công Ty Cổ<br>Phần Dịch Vụ<br>Bất Động Sản<br>DMH Group    |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 26/07/2022                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 83      | Công ty TNHH<br>MTV Phát<br>Triển Đô Thị<br>Quảng Ngãi     |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 03/01/2019                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment | Công ty<br>con/Subsidiary           |

| ST<br>T | Tên tổ chức/cá<br>nhân                                             | Tài<br>khoản<br>giao<br>dịch<br>chứng<br>khoán   | Chức vụ tại<br>Công ty                    | Số Giấy<br>NSH* | Ngày cấp<br>Giấy<br>NSH* | Nơi cấp<br>NSH*   | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan     | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan | Lý do                                 | Mối quan hệ<br>đối với Công<br>ty   |
|---------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|--------------------------|-------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|
| No.     | Name of<br>organization/<br>individual                             | Securiti<br>es<br>trading<br>account<br>(if any) | Position at<br>the<br>Company (if<br>any) | NSH No.         | date of<br>issue         | place of<br>issue | Address                                  | Time of<br>starting to<br>be<br>affiliated<br>person | Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>person    | Reasons                               | Relationship<br>with the<br>company |
| (1)     | (2)                                                                | (3)                                              | (4)                                       | (5)             | (6)                      | (7)               | (8)                                      | (9)                                                  | (10)                                               | (11)                                  | (12)                                |
| 84      | Công Ty Cổ<br>Phân Đầu Tư<br>Sapphire<br>Tower                     |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 30/03/2022                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 85      | Công Ty Cổ<br>Phân Đầu Tư<br>Emerald Tower                         |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 23/03/2022                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 86      | Công ty CP<br>BDS Ecohome                                          |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 03/01/2020                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 87      | Công ty CP<br>BLUEMARQ<br>Asset<br>Management                      |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 05/08/2025                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 88      | Công Ty Cổ<br>Phân Thương<br>Mại Dịch Vụ<br>Việt Nhật<br>Cares     |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 16/11/2023                                           |                                                    | Thành<br>lập/Establish<br>ment        | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 89      | Công Ty Cổ<br>Phân DAMC                                            |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 27/05/2024                                           |                                                    | Góp<br>vốn/Capital<br>Contribution    | Công ty<br>con/Subsidiary           |
| 90      | Công Ty Cổ<br>Phân Dịch Vụ<br>Bất Động Sản<br>Đông Bắc Bộ<br>Homes |                                                  |                                           |                 |                          |                   |                                          | 31/12/2024                                           |                                                    | Nhận chuyển<br>nhượng/Acqui<br>sition | Công ty<br>con/Subsidiary           |



| ST T | Tên tổ chức/cá nhân                                          | Tài khoản giao dịch chứng khoán     | Chức vụ tại Công ty              | Số Giấy NSH* | Ngày cấp Giấy NSH* | Nơi cấp NSH*   | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan  | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do                          | Mối quan hệ đối với Công ty   |
|------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|--------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| No.  | Name of organization/<br>individual                          | Securities trading account (if any) | Position at the Company (if any) | NSH No.      | date of issue      | place of issue | Address                                  | Time of starting to be affiliated person | Time of ending to be affiliated person    | Reasons                        | Relationship with the company |
| (1)  | (2)                                                          | (3)                                 | (4)                              | (5)          | (6)                | (7)            | (8)                                      | (9)                                      | (10)                                      | (11)                           | (12)                          |
| 91   | Công Ty TNHH MTV Cara Legend                                 |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 15/04/2025                               |                                           | Thành lập/Establishment        | Công ty con/Subsidiary        |
| 92   | Công Ty TNHH MTV Cara Smart City                             |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 16/04/2025                               |                                           | Thành lập/Establishment        | Công ty con/Subsidiary        |
| 93   | Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Bất Động Sản Ngọc Khánh |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 16/04/2025                               |                                           | Nhận chuyển nhượng/Acquisition | Công ty con/Subsidiary        |
| 94   | Công ty TNHH Thương mại và Phát triển Eastern Lotus          |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 25/08/2025                               |                                           | Thành lập/Establishment        | Công ty con/Subsidiary        |
| 95   | Công Ty TNHH Đầu Tư Kinh Doanh Bất Động Sản Lan Anh          |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 23/07/2025                               |                                           | Nhận chuyển nhượng/Acquisition | Công ty con/Subsidiary        |
| 96   | Công ty TNHH Phát triển BĐS Orchid Land                      |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 15/08/2025                               |                                           | Thành lập/Establishment        | Công ty con/Subsidiary        |
| 97   | Công ty CP Bảo vệ Minh An                                    |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 03/10/2025                               |                                           | Nhận chuyển nhượng/Acquisition | Công ty con/Subsidiary        |

| ST T | Tên tổ chức/cá nhân                          | Tài khoản giao dịch chứng khoán     | Chức vụ tại Công ty              | Số Giấy NSH* | Ngày cấp Giấy NSH* | Nơi cấp NSH*   | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan  | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do                          | Mối quan hệ đối với Công ty   |
|------|----------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|--------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| No.  | Name of organization/<br>individual          | Securities trading account (if any) | Position at the Company (if any) | NSH No.      | date of issue      | place of issue | Address                                  | Time of starting to be affiliated person | Time of ending to be affiliated person    | Reasons                        | Relationship with the company |
| (1)  | (2)                                          | (3)                                 | (4)                              | (5)          | (6)                | (7)            | (8)                                      | (9)                                      | (10)                                      | (11)                           | (12)                          |
| 98   | Công Ty TNHH Magnolia Southern Holdings      |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 10/09/2025                               |                                           | Thành lập/Establishment        | Công ty con/Subsidiary        |
| 99   | Công Ty TNHH BĐS Hoa Phượng Đỏ               |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 20/09/2025                               |                                           | Thành lập/Establishment        | Công ty con/Subsidiary        |
| 100  | Công ty Cổ Phần Bất Động Sản Thuận An City   |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 06/11/2025                               |                                           | Nhận chuyển nhượng/Acquisition | Công ty con/Subsidiary        |
| 101  | Công ty TNHH Đầu Tư Lê Gia Newland           |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 31/10/2025                               |                                           | Nhận chuyển nhượng/Acquisition | Công ty con/Subsidiary        |
| 102  | Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Và Địa Ốc Thăng Long |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 19/12/2025                               |                                           | Nhận chuyển nhượng/Acquisition | Công ty con/Subsidiary        |
| 103  | Công ty Cổ Phần Red Hibiscus                 |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 25/06/2026                               |                                           | Nhận chuyển nhượng/Acquisition | Công ty con/Subsidiary        |
| 104  | Công ty Cổ Phần BLUEMARQ Investment          |                                     |                                  |              |                    |                |                                          | 22/04/2026                               |                                           | Thành lập/Establishment        | Công ty con/Subsidiary        |

Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).



**PHỤ LỤC 2: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ**

*Appendix 2: Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*

| ST T | Tên tổ chức/cá nhân                                                                | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH* | Địa chỉ trụ sở chính/ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT (nếu có)                              | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch    | Ghi chú                                                                                                       |
|------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| No   | Name of organization/ individual                                                   | Relationship with the Company     | No*          | Address               | Time of transactions            | Resolution No or Decision No (if any)                                           | Content, quantity, total value of transaction | Note                                                                                                          |
| (1)  | (2)                                                                                | (3)                               | (4)          | (5)                   | (6)                             | (7)                                                                             | (8)                                           | (9)                                                                                                           |
| 1    | Công ty Cổ Phần Vicco Sài Gòn                                                      | Công ty con/Subsidiary            |              |                       | Năm 2026                        | Nghị quyết HĐQT số 07/2026/NQ-DXG/HĐQT<br>BOD Resolution No 07/2026/NQ-DXG/HĐQT | 2.566.070.280                                 | Tiền thuê văn phòng/ Office rent expense                                                                      |
|      |                                                                                    |                                   |              |                       | Năm 2026                        |                                                                                 | 1.411.338.654                                 | Trả tiền thuê văn phòng/ Office rent payment                                                                  |
| 2    | CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh                                                 | Công ty con/Subsidiary            |              |                       | Năm 2026                        | Nghị quyết HĐQT số 07/2026/NQ-DXG/HĐQT<br>BOD Resolution No 07/2026/NQ-DXG/HĐQT | 1.000.000.000                                 | Hoàn tiền booking cho KH đặt chỗ DA The Privé / Refund of booking deposits to customers for The Privé Project |
| 3    | CTCP BLUEMARQ Development (trước đây là CTCP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Hà An) | Công ty con/Subsidiary            |              |                       | Năm 2026                        | Nghị quyết HĐQT số 07/2026/NQ-DXG/HĐQT<br>BOD Resolution No 07/2026/NQ-DXG/HĐQT | 4.489.090.909                                 | Doanh thu cho thuê mặt bằng/ Revenue from leasing premises                                                    |
|      |                                                                                    |                                   |              |                       | Năm 2026                        |                                                                                 | 5.794.520.548                                 | Lãi vay/ Loan interest income                                                                                 |
|      |                                                                                    |                                   |              |                       | Năm 2026                        |                                                                                 | 617.110.000.000                               | Hoàn cọc / Refund of deposits                                                                                 |
|      |                                                                                    |                                   |              |                       | Năm 2026                        |                                                                                 | 176.859.039.219                               | Phí dịch vụ DA The Privé / Service fees for The Privé Project                                                 |
|      |                                                                                    |                                   |              |                       | Năm 2026                        |                                                                                 | 179.676.541.060                               | Thanh toán phí dịch vụ / Service fee payment                                                                  |
|      |                                                                                    |                                   |              |                       | Năm 2026                        |                                                                                 | 300.000.000.000                               | Cho vay/ Loan                                                                                                 |
|      |                                                                                    |                                   |              |                       | Năm 2026                        |                                                                                 | 654.996.296                                   | Khác/Other                                                                                                    |

| ST T | Tên tổ chức/cá nhân                           | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH* | Địa chỉ trụ sở chính/ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT (nếu có)                              | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch    | Ghi chú                                                        |
|------|-----------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| No   | Name of organization/ individual              | Relationship with the Company     | No*          | Address               | Time of transactions            | Resolution No or Decision No (if any)                                           | Content, quantity, total value of transaction | Note                                                           |
| (1)  | (2)                                           | (3)                               | (4)          | (5)                   | (6)                             | (7)                                                                             | (8)                                           | (9)                                                            |
| 4    | Công ty TNHH Một Thành Viên Đất Xanh Tech     | Công ty con/Subsidiary            |              |                       | Năm 2026                        | Nghị quyết HĐQT số 07/2026/NQ-DXG/HĐQT<br>BOD Resolution No 07/2026/NQ-DXG/HĐQT | 2.085.000.000                                 | Góp vốn/ Capital contribution                                  |
| 5    | Công ty TNHH Athena Invest                    | Công ty con/Subsidiary            |              |                       | Năm 2026                        | Nghị quyết HĐQT số 07/2026/NQ-DXG/HĐQT<br>BOD Resolution No 07/2026/NQ-DXG/HĐQT | 700.000.000                                   | Góp vốn/ Capital contribution                                  |
| 6    | CTCP Công nghệ Ihouzz                         | Công ty con/Subsidiary            |              |                       | Năm 2026                        | Nghị quyết HĐQT số 07/2026/NQ-DXG/HĐQT<br>BOD Resolution No 07/2026/NQ-DXG/HĐQT | 2.099.905.000                                 | Phí cung cấp phần mềm/ Software provision fee                  |
|      |                                               |                                   |              |                       | Năm 2026                        |                                                                                 | 2.066.580.000                                 | Trả tiền phí phần mềm/ Software fee payment                    |
|      |                                               |                                   |              |                       | Năm 2026                        |                                                                                 | 1.011.000.000                                 | Phí hạ tầng phần mềm cloud/ Cloud software infrastructure fee  |
|      |                                               |                                   |              |                       | Năm 2026                        |                                                                                 | 856.980.000                                   | Cần trừ công nợ/ Offsetting receivables and payables           |
| 7    | CTCP DV Quản Lý Tài sản và Đầu tư Asahi Japan | Công ty con/Subsidiary            |              |                       | Năm 2026                        | Nghị quyết HĐQT số 07/2026/NQ-DXG/HĐQT<br>BOD Resolution No 07/2026/NQ-DXG/HĐQT | 1.371.777.463                                 | Phí dịch vụ quản lý vận hành/ Operation management service fee |
|      |                                               |                                   |              |                       | Năm 2026                        |                                                                                 | 1.473.729.438                                 | Trả tiền phí dịch vụ/ Service fee payment                      |
| 8    | Công ty TNHH XD TM DV Hà Thuận Hùng           | Công ty con/Subsidiary            |              |                       | Năm 2026                        | Nghị quyết HĐQT số 07/2026/NQ-DXG/HĐQT<br>BOD Resolution No 07/2026/NQ-DXG/HĐQT | 401.000.000.000                               | Cho vay/ Loan                                                  |
|      |                                               |                                   |              |                       | Năm 2026                        |                                                                                 | 2.058.904.110                                 | Lãi cho vay/ Loan interest income                              |
|      |                                               |                                   |              |                       | Năm 2026                        |                                                                                 | 190.000.000.000                               | Thu tiền gốc cho vay/ Collection of loan principal             |



| ST<br>T | Tên tổ chức/cá<br>nhân                          | Mối quan hệ liên<br>quan với công ty                  | Số Giấy NSH* | Địa chỉ trụ sở chính/ | Thời điểm<br>giao dịch<br>với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết<br>định của ĐHĐCĐ/<br>HĐQT (nếu có)                              | Nội dung, số<br>lượng, tổng giá<br>trị giao dịch       | Ghi chú                                                   |
|---------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| No      | Name of<br>organization/<br>individual          | Relationship with<br>the Company                      | No*          | Address               | Time of<br>transactions               | Resolution No or Decision<br>No (if any)                                              | Content,<br>quantity, total<br>value of<br>transaction | Note                                                      |
| (1)     | (2)                                             | (3)                                                   | (4)          | (5)                   | (6)                                   | (7)                                                                                   | (8)                                                    | (9)                                                       |
|         |                                                 |                                                       |              |                       | Năm 2026                              |                                                                                       | 139.000.000.000                                        | Hoàn trả khoản đi<br>vay/ Loan repayment                  |
|         |                                                 |                                                       |              |                       | Năm 2026                              |                                                                                       | 1.306.438.357                                          | Lãi đi vay/ Loan<br>interest expense                      |
|         |                                                 |                                                       |              |                       | Năm 2026                              |                                                                                       | 3.254.246.576                                          | Hoàn trả lãi vay/<br>Repayment of loan<br>interest        |
| 9       | Công Ty Cổ Phần<br>Bất Động Sản<br>Linkgroup    | Công ty<br>con/Subsidiary                             |              |                       | Năm 2026                              | Nghị quyết HĐQT số<br>07/2026/NQ-DXG/HĐQT<br>BOD Resolution No<br>07/2026/NQ-DXG/HĐQT | 500.000.000                                            | Hoàn tiền ký quỹ/<br>Refund of deposits                   |
| 10      | Công ty Cổ Phần<br>BLUEMARQ<br>Asset Management | Công ty<br>con/Subsidiary                             |              |                       | Năm 2026                              | Nghị quyết HĐQT số<br>07/2026/NQ-DXG/HĐQT<br>BOD Resolution No<br>07/2026/NQ-DXG/HĐQT | 209.870.000.000                                        | Góp vốn/ Capital<br>contribution                          |
| 11      | Công Ty Cổ Phần<br>BLUEMARQ<br>Investment       | Công ty liên kết/<br>Associate company                |              |                       | Năm 2026                              | Nghị quyết HĐQT số<br>07/2026/NQ-DXG/HĐQT<br>BOD Resolution No<br>07/2026/NQ-DXG/HĐQT | 199.960.000.000                                        | Góp vốn/ Capital<br>contribution                          |
| 12      | Ông Bùi Ngọc Đức                                | Người có liên quan<br>đến người nội bộ<br>của Công ty |              |                       | Năm 2026                              | Nghị quyết HĐQT số<br>07/2026/NQ-DXG/HĐQT<br>BOD Resolution No<br>07/2026/NQ-DXG/HĐQT | 676.369.896                                            | Thu tiền bán căn hộ /<br>Receipts from<br>apartment sales |
| 13      | Ông Hà Đức Hiếu                                 | Người có liên quan<br>đến người nội bộ<br>của Công ty |              |                       | Năm 2026                              | Nghị quyết HĐQT số<br>07/2026/NQ-DXG/HĐQT<br>BOD Resolution No<br>07/2026/NQ-DXG/HĐQT | 254.471.730.074                                        | Thu tiền bán căn hộ /<br>Receipts from<br>apartment sales |

**PHỤ LỤC 3: Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ công ty**

**APPENDIX 3: The list of internal persons and their affiliated persons**

| STT  | Họ tên                                                                             | Tài khoản GDCK (nếu có)             | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu  | Ngày cấp      | Nơi cấp        | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ                      | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú                                   |
|------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------|--------------------|---------------|----------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|
| No.  | Name                                                                               | Securities trading account (if any) | Title (if any)               | ID No./Passport No | Date of issue | Place of issue | Address                               | Number of shares owned at the end of the period | % at the end of the period    | Note                                      |
| (1)  | (2)                                                                                | (3)                                 | (4)                          | (5)                | (6)           | (7)            | (8)                                   | (9)                                             | (10)                          | (11)                                      |
| 1    | Bùi Ngọc Đức                                                                       |                                     | Chủ tịch HĐQT                |                    |               |                |                                       | 1.085.280                                       | 0,09%                         |                                           |
| 1.01 | Bùi Văn Tập                                                                        |                                     |                              |                    |               |                |                                       |                                                 | 0                             | Cha/Father                                |
| 1.02 | Trần Thị Ngân                                                                      |                                     |                              |                    |               |                |                                       |                                                 | 0                             | Mẹ/Mother                                 |
| 1.03 | Đoàn Tú Anh                                                                        |                                     |                              |                    |               |                |                                       |                                                 | 0                             | Vợ/Wife                                   |
| 1.04 | Bùi Đoàn Gia An                                                                    |                                     |                              |                    |               |                |                                       |                                                 | 0                             | Con/Son                                   |
| 1.05 | Bùi Thị Thúy Nga                                                                   |                                     |                              |                    |               |                |                                       |                                                 | 0                             | Chị/Sister                                |
| 1.06 | Bùi Việt Hùng                                                                      |                                     |                              |                    |               |                |                                       |                                                 | 0                             | Em/Brother                                |
| 1.07 | Bùi Mạnh Cường                                                                     |                                     |                              |                    |               |                |                                       |                                                 | 0                             | Em/Brother                                |
| 1.08 | CTCP BLUEMARQ Development (trước đây là CTCP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Hà An) |                                     |                              |                    |               |                |                                       |                                                 | 0                             | Tổ chức có liên quan/Related organization |



|      |                 |  |                                             |             |        |                          |
|------|-----------------|--|---------------------------------------------|-------------|--------|--------------------------|
| 2    | Lương Trí Thìn  |  | Thành viên<br>HĐQT<br>kiêm Chủ<br>tịch HĐQT | 197.225.132 | 15,53% |                          |
| 2.01 | Lương Trí Việt  |  |                                             |             | 0      | Cha/Father               |
| 2.02 | Lê Thị Văn      |  |                                             |             | 0      | Mẹ/Mother                |
| 2.03 | Lương Trí Tú    |  |                                             | 1.510.118   | 0,12%  | Em/Brother               |
| 3    | Lương Ngọc Huy  |  | TV HĐQT<br>kiêm Phó<br>Tổng Giám<br>đốc     | 733.590     | 0,06%  |                          |
| 3.01 | Lương Ngọc Việt |  |                                             | -           | 0      | Bố/Father                |
| 3.02 | Đỗ Thị Hiền     |  |                                             |             | 0      | Mẹ/Mother                |
| 3.03 | Phạm Thị Hương  |  |                                             |             | 0      | Vợ/Wife                  |
| 3.04 | Lương Ngọc Anh  |  |                                             |             | 0      | Con/ Daughter            |
| 3.05 | Lương Trí Dũng  |  |                                             |             | 0      | Con/Son                  |
| 3.06 | Phạm Đức Diện   |  |                                             |             | 0      | Bố vợ/ Father<br>in-law  |
| 3.07 | Trần Thị Tâm    |  |                                             |             | 0      | Mẹ vợ/ Mother<br>in-law  |
| 3.08 | Lương Quốc Hoan |  |                                             |             | 0      | Em trai/Brother          |
| 3.09 | Lương Thị Thoa  |  |                                             |             | 0      | Em gái/ Sister           |
| 3.10 | Nguyễn Thị Mai  |  |                                             |             | 0      | Em dâu/ Sister<br>in-law |
| 4    | Hà Đức Hiếu     |  | TV HĐQT                                     | 471.997     | 0,04%  |                          |
| 4.01 | Hà Thanh Sơn    |  |                                             |             | 0,00%  | Bố/Father                |
| 4.02 | Thân Thị Ngọc   |  |                                             |             | 0      | Mẹ/Mother                |

|      |                                                                            |  |                               |  |   |                                                 |
|------|----------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------------|--|---|-------------------------------------------------|
| 4.03 | Hà Hải Nam                                                                 |  |                               |  | 0 | Anh trai/<br>Brother                            |
| 4.04 | Hà Hương Giang                                                             |  |                               |  | 0 | Chị gái/ Sister                                 |
| 4.05 | Nguyễn Hồng Nhung                                                          |  |                               |  | 0 | Vợ/Wife                                         |
| 4.06 | Hà Đức Phúc                                                                |  |                               |  | 0 | Con/Son                                         |
| 4.07 | Hà Đức Trung                                                               |  |                               |  | 0 | Con/Son                                         |
| 4.08 | CTCP Red Hibiscus<br>(trước đây là Công ty<br>cổ phần Đất Xanh<br>Capital) |  |                               |  | 0 | Tổ chức có liên<br>quan/Related<br>organization |
| 4.09 | CTCP Regal Group                                                           |  |                               |  | 0 | Tổ chức có liên<br>quan/Related<br>organization |
| 4.10 | CTCP Cara Group                                                            |  |                               |  | 0 | Tổ chức có liên<br>quan/Related<br>organization |
| 4.11 | CTCP Dịch Vụ BĐS<br>Đất Xanh                                               |  |                               |  | 0 | Tổ chức có liên<br>quan/Related<br>organization |
| 5    | Nguyễn Huy Hoàng                                                           |  | Thành viên<br>độc lập<br>HĐQT |  | - | 0                                               |
| 5.01 | Nguyễn Huy Quang                                                           |  |                               |  | 0 | Con/Son                                         |
| 5.02 | Nguyễn Bảo Quỳnh                                                           |  |                               |  | 0 | Con/ Daughter                                   |
| 5.03 | Nguyễn Huy Hợi                                                             |  |                               |  | 0 | Bố/Father                                       |
| 5.04 | Nguyễn Ngọc Diệp                                                           |  |                               |  | 0 | Em ruột/ Sister                                 |
| 5.05 | Nguyễn Thị Bích<br>Huỳnh                                                   |  |                               |  | 0 | Em ruột/<br>Brother                             |



|      |                                                |  |                                       |
|------|------------------------------------------------|--|---------------------------------------|
| 5.06 | Nguyễn Huy Hiệu                                |  |                                       |
| 5.07 | Dương Đức Chi                                  |  |                                       |
| 5.08 | Trần Hoàng San                                 |  |                                       |
| 5.09 | Đỗ Xuân Ngọc                                   |  |                                       |
| 6    | Nguyễn Trường Sơn                              |  | <b>Tổng Giám Đốc</b>                  |
| 6.01 | Nguyễn Trường Giang                            |  |                                       |
| 6.02 | Nguyễn Thị Cẩm Thạch                           |  |                                       |
| 6.03 | Nguyễn Thị Nhung                               |  |                                       |
| 6.04 | Nguyễn Văn Đài                                 |  |                                       |
| 6.05 | Nguyễn Hải Triều                               |  |                                       |
| 6.06 | CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh             |  |                                       |
| 6.07 | CTCP Dịch vụ và Địa ốc Đất Xanh Miền Bắc       |  |                                       |
| 6.08 | CTCP Regal Group                               |  |                                       |
| 6.09 | Công ty Cổ phần Công Nghệ Ihouzz               |  |                                       |
| 6.10 | Công ty Cổ phần Phát Triển Địa Ốc Nam Trung Bộ |  |                                       |
| 7    | Lê Đặng Quốc Hùng                              |  | <b>Giám đốc Tài chính Thư ký HĐQT</b> |
| 7.01 | Lê Phúc Thắng                                  |  |                                       |

|         |       |                                                 |
|---------|-------|-------------------------------------------------|
|         | 0     | Em ruột/<br>Brother                             |
|         | 0     | Em rể/ Brother<br>in-law                        |
|         | 0     | Em rể/ Brother<br>in-law                        |
|         | 0     | Bố vợ/ Father<br>in-law                         |
| -       | 0,00% |                                                 |
|         | 0,00% | Anh trai/<br>Brother                            |
|         | 0     | Chị/Sister                                      |
|         | 0     | Chị/Sister                                      |
|         | 0     | Con/ Daughter                                   |
|         | 0     | Con/Son                                         |
|         | 0     | Tổ chức có liên<br>quan/Related<br>organization |
|         | 0     | Tổ chức có liên<br>quan/Related<br>organization |
|         | 0     | Tổ chức có liên<br>quan/Related<br>organization |
|         | 0     | Tổ chức có liên<br>quan/Related<br>organization |
|         | 0     | Tổ chức có liên<br>quan                         |
| 429.776 | 0,03% |                                                 |
|         | 0     | Cha/Father                                      |

|      |                                                                                    |  |                |  |         |                                           |
|------|------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------|--|---------|-------------------------------------------|
| 7.02 | Đặng Thị Thúy                                                                      |  |                |  | 0       | Mẹ/Mother                                 |
| 7.03 | Lê Đặng Thúy Hà                                                                    |  |                |  | 0       | Em /Sister                                |
| 7.04 | Lê Đặng Mỹ Tâm                                                                     |  |                |  | 0       | Con/ Daughter                             |
| 7.05 | Lê Đặng Mỹ Khanh                                                                   |  |                |  | 0       | Con/ Daughter                             |
| 7.06 | CTCP BLUEMARQ Development (trước đây là CTCP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Hà An) |  |                |  | 0       | Tổ chức có liên quan/Related organization |
| 7.07 | Công ty Cổ Phần Regal Group                                                        |  |                |  | 0       | Tổ chức có liên quan/Related organization |
| 7.08 | Công ty TNHH Đầu Tư Sài Gòn Riverside                                              |  |                |  | 0       | Tổ chức có liên quan/Related organization |
| 7.09 | CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh                                                 |  |                |  | 0       | Tổ chức có liên quan/Related organization |
| 7.10 | CTCP Bất Động Sản Linkgroup                                                        |  |                |  | 0       | Tổ chức có liên quan/Related organization |
| 8    | Bùi Thanh Thảo                                                                     |  | Kế toán trưởng |  | 124.096 | 0,01%                                     |
| 8.01 | Bùi Đức Út                                                                         |  |                |  | 0       | Cha/Father                                |
| 8.02 | Bùi Anh Dũng                                                                       |  |                |  | 0       | Anh/Brother                               |

**PHỤ LỤC 4: Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty**

**APPENDIX 4: Transactions of internal people and affiliated people with shares of the company**

| Stt<br>No. | Người thực hiện giao dịch<br>Transaction executor | Quan hệ với người nội bộ<br>Relationship with internal persons                                      | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ<br>Number of shares owned at the beginning of the period |                     | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>Number of shares owned at the end of the period |                     | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)<br>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.) |
|------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                   |                                                                                                     | Số cổ phiếu<br>Number of shares                                                    | Tỷ lệ<br>Percentage | Số cổ phiếu<br>Number of shares                                               | Tỷ lệ<br>Percentage |                                                                                                                                         |
| (1)        | (2)                                               | (3)                                                                                                 | (4)                                                                                | (5)                 | (6)                                                                           | (7)                 | (8)                                                                                                                                     |
| 1          | LƯƠNG TRÍ THÌN                                    | Thành viên HĐQT<br>Chủ tịch HĐQT<br>BOD Member<br>Chairman of the Strategic Committee               | 173.004.502                                                                        | 15,53%              | 197.225.132                                                                   | 15,53%              | Nhận cp tăng vốn từ VCSH/Bonus share                                                                                                    |
| 2          | BÙI NGỌC ĐỨC                                      | Chủ tịch HĐQT<br>Chairman of the BOD                                                                | 952.000                                                                            | 0,09%               | 1.085.280                                                                     | 0,09%               | Nhận cp tăng vốn từ VCSH/Bonus share                                                                                                    |
| 3          | LƯƠNG TRÍ TÚ                                      | Người có liên quan<br>Related person                                                                | 1.332.666                                                                          | 0,12%               | 1.510.118                                                                     | 0,12%               | Nhận cp tăng vốn từ VCSH/Bonus share                                                                                                    |
| 4          | HÀ ĐỨC HIẾU                                       | Thành viên HĐQT<br>BOD Member                                                                       | 414.033                                                                            | 0,04%               | 471.997                                                                       | 0,04%               | Nhận cp tăng vốn từ VCSH/Bonus share                                                                                                    |
| 5          | LƯƠNG NGỌC HUY                                    | Thành viên HĐQT<br>Phó Tổng Giám đốc<br>BOD Member Deputy<br>General Director                       | 643.500                                                                            | 0,06%               | 733.590                                                                       | 0,06%               | Nhận cp tăng vốn từ VCSH/Bonus share                                                                                                    |
| 6          | NGUYỄN TRƯỜNG SƠN                                 | Tổng Giám đốc<br>General Director                                                                   | 300.084                                                                            | 0,03%               | -                                                                             | 0,00%               | Bán/Sell                                                                                                                                |
| 7          | LÊ ĐẶNG QUỐC HÙNG                                 | Giám đốc Tài chính<br>Thư ký HĐQT<br>Chief Financial Officer<br>Secretary of the Board of Directors | 376.997                                                                            | 0,03%               | 429.776                                                                       | 0,03%               | Nhận cp tăng vốn từ VCSH/Bonus share                                                                                                    |
| 8          | BÙI THANH THẢO                                    | Kế toán trưởng<br>Chief Accountant                                                                  | 108.857                                                                            | 0,01%               | 124.096                                                                       | 0,01%               | Nhận cp tăng vốn từ VCSH/Bonus share                                                                                                    |